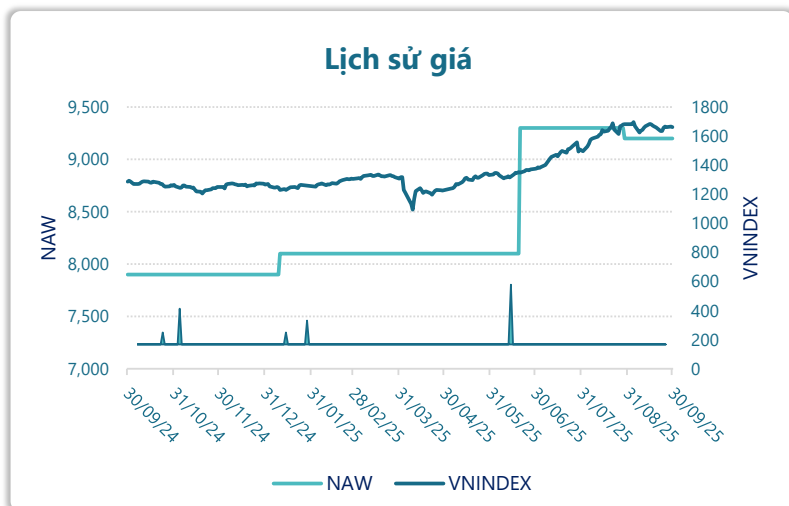


CTCP Cấp nước Nghệ An (UPCOM: NAW)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,900
SL cổ phiếu LH	37,385,983
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	344
P/E	16.7
EPS	549

DT thuần
Q3/25

105

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.1 | 12.0%

YoY: ▲ 16.0 | 18.1%

LN sau thuế
Q3/25

18.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.0 | 4179%

YoY: ▲ 17.5 | 1858%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

23.4%

+/- YoY: ▲ 20.3%

DT thuần
9T 2025

279

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.0 | 13.7%

LN sau thuế
9T 2025

19.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.1 | 665%

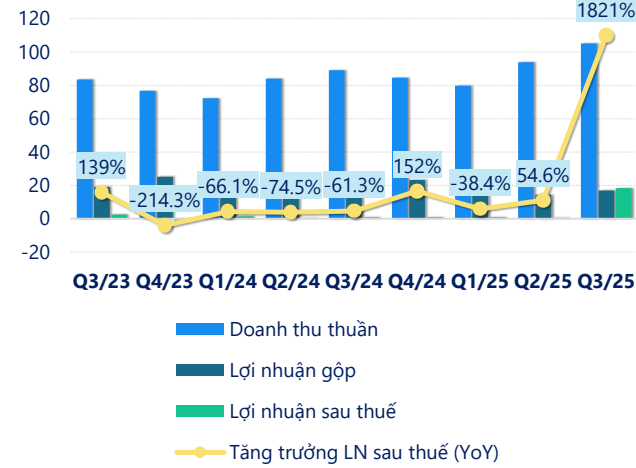
ROE
Q3/25

5.3%

+/- YoY: ▲ 5.0%

tỷ VNĐ

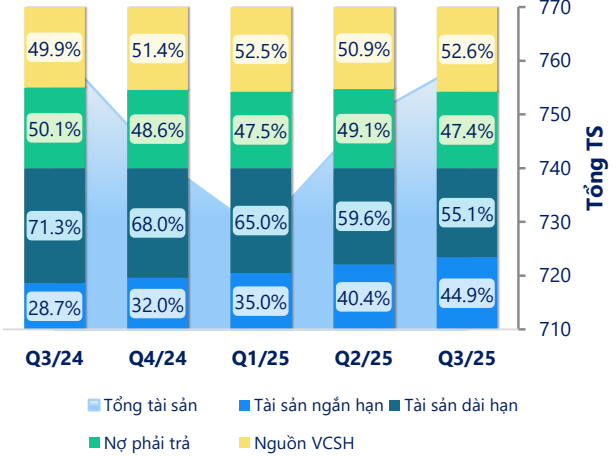
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

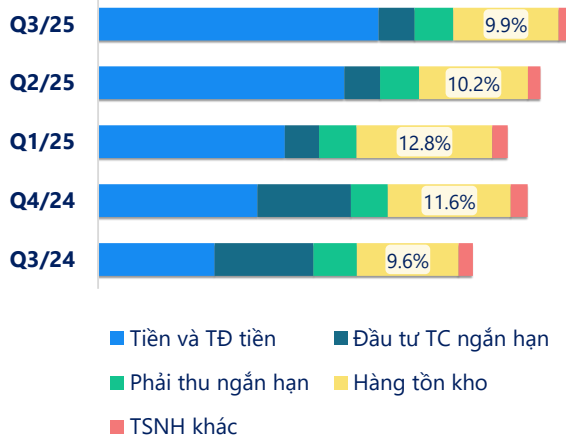
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



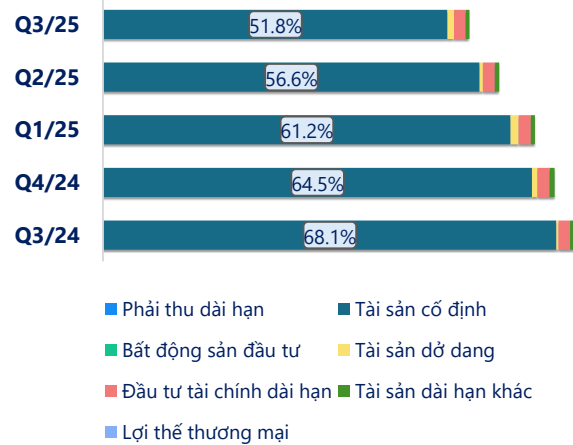
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

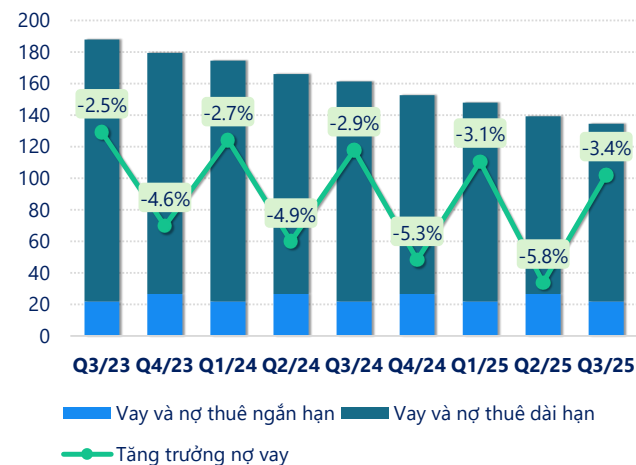
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

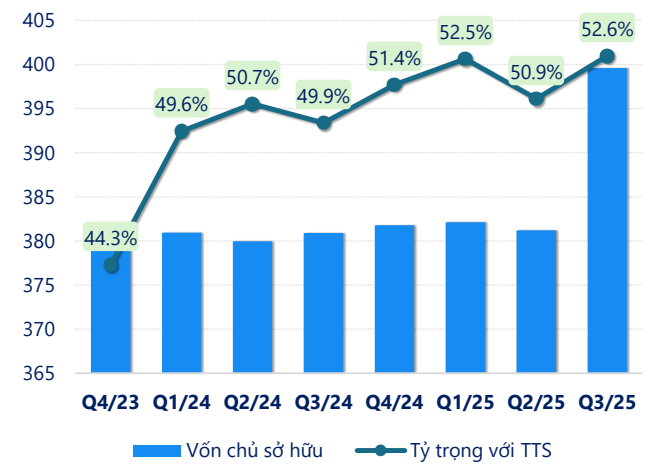
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

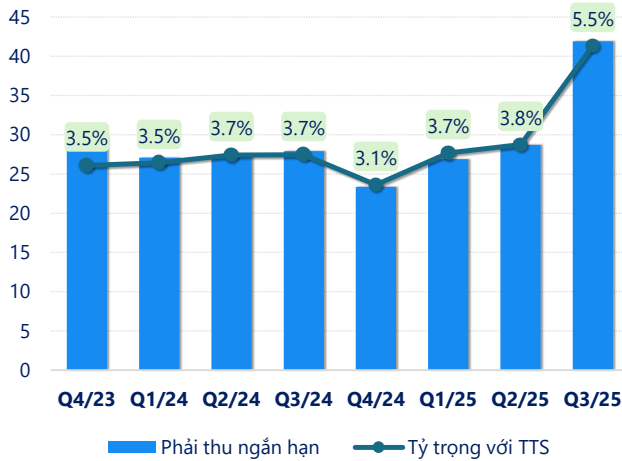
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



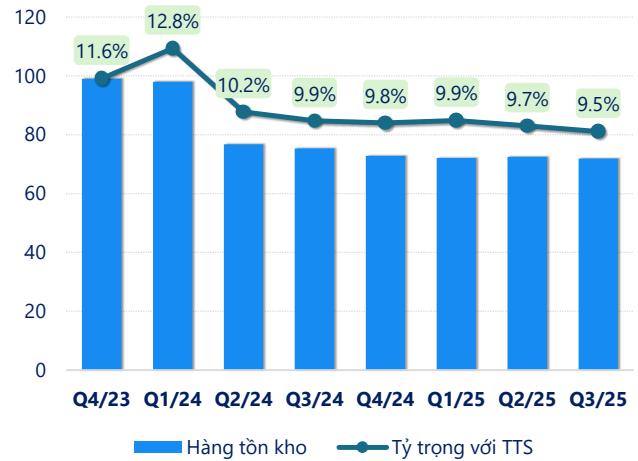
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


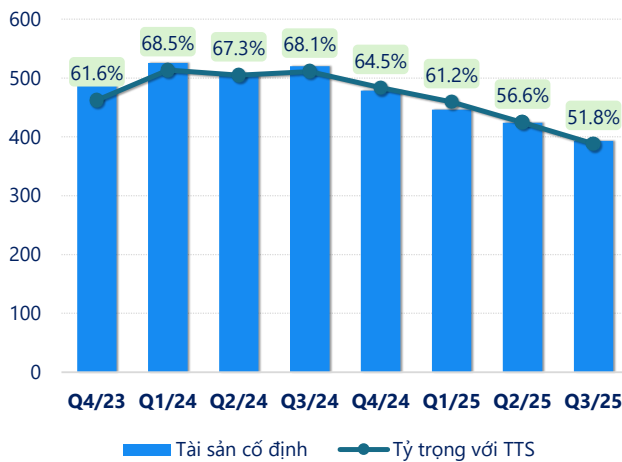
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


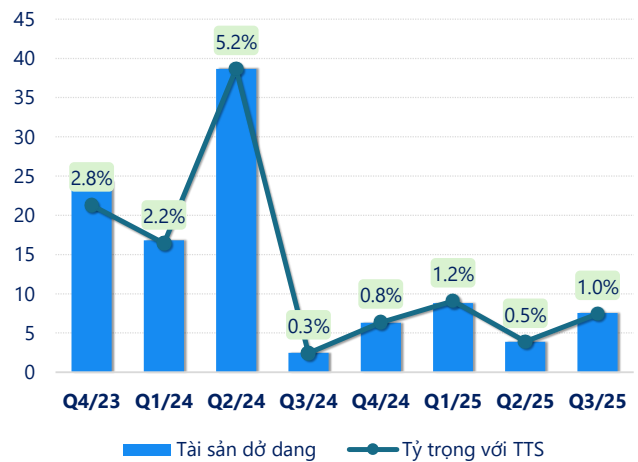
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

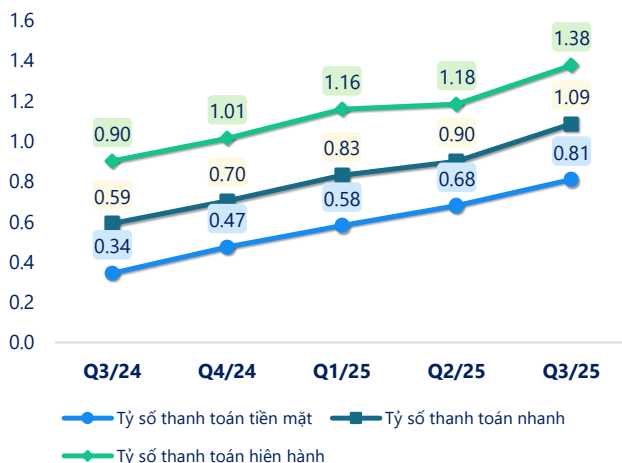
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

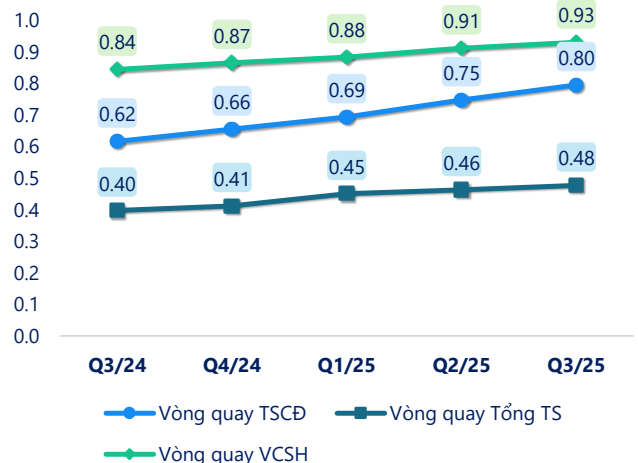
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	763	742	728	749	760
Tài sản ngắn hạn	219	238	255	302	341
Tiền và tương đương tiền	83.5	111	128	173	201
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.7	25.9	25.9	25.9	26.5
Phải thu ngắn hạn	27.9	23.4	26.9	28.7	41.9
Hàng tồn kho	75.4	72.8	72.1	72.5	71.9
Tài sản ngắn hạn khác	6.33	4.48	2.32	1.80	0.08
Tài sản dài hạn	544	504	473	447	419
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản cố định	520	478	446	424	393
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.47	6.29	8.79	3.89	7.56
Đầu tư tài chính dài hạn	13.4	13.4	13.4	13.3	13.3
Tài sản dài hạn khác	7.78	5.85	4.54	5.12	4.26
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	382	360	346	368	360
Nợ ngắn hạn	243	234	220	255	248
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.9	26.7	21.9	26.6	21.8
Phải trả người bán ngắn hạn	48.6	54.6	47.0	42.2	47.5
Nợ dài hạn	139	126	126	113	113
Vay và nợ thuê dài hạn	139	126	126	113	113
Nguồn vốn chủ sở hữu	381	382	382	381	400
Vốn chủ sở hữu	381	382	382	381	400
Vốn điều lệ	374	374	374	374	374
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)